

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2019/HS-ST
Ngày: 03-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hải An.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

Ông La Văn Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hồng Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 105/2019/TLST-HS ngày 5 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2019/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Phú A, sinh năm 1990, tại An Giang; Nơi cư trú: Ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Văn T và bà Đoàn Thị C; bị cáo có vợ tên Nguyễn Ngọc Q, có 01 con sinh năm 2013; Tiền án; Tiền sự: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/7/2019 đến nay. (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị M, sinh năm: 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 3A, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Nguyễn Hữu P và Nguyễn Thanh H (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên vào khoảng tháng 7 năm 2019, Lê Phú A có quen biết với người đàn ông tên Thành (không rõ nhân thân lai lịch) tại khu vực thuộc khu công nghiệp T, xã H,

huyện Đ, tỉnh Long An. Đến khoảng 5 giờ ngày 23/7/2019, Lê Phú A đang đi bộ trong khu chợ tự phát gần khu công nghiệp T, thuộc xã H, huyện Đ, tỉnh Long An thì gặp Thành đang điều khiển xe mô tô hiệu Dream (không rõ biển số) đến thuê Lê Phú A vận chuyển xe mô tô do người khác phạm tội mà có từ cầu P, thuộc thành phố T, tỉnh Bình Dương về huyện Đ, tỉnh Long An tiêu thụ. T thỏa thuận trả tiền công cho Lê Phú A mỗi lần vận chuyển một xe là 700.000 đồng, Lê Phú A đồng ý thực hiện. Sau đó, T điều khiển xe mô tô hiệu Dream (không rõ biển số) chở Phú A đến khu vực gần cầu P, thuộc thành phố M, tỉnh Bình Dương và giao cho Phú A một xe mô tô hiệu Honda, loại Vision màu xanh, biển số 61C1-404.99 để Lê Phú A điều khiển xe về đập Thủy Lợi, thuộc ấp B, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An giao xe cho người thanh niên và nhận tiền công. T đưa cho Phú A một chìa khóa xe mô tô để cắm vào công tắc điện xe mô tô biển số 61C1-404.99 và 02 chìa khóa xe mô tô để Phú A giao lại cho người thanh niên nhận xe, Lê Phú A nhận xe và nhìn thấy ổ khóa công tắc điện của xe có dấu vết bị cạy và biết rõ xe này do người khác phạm tội mà có. Sau đó, Lê Phú A điều khiển xe mô tô này đi đến khu vực thuộc ấp C, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An thì bị lực lượng Công an huyện Đức Hòa phát hiện bắt giữ quả tang được Lê Phú A cùng vật chứng.

Vật chứng thu giữ quả tang gồm có: Một xe mô tô hiệu Honda, loại Vision, màu xanh, biển số 61C1-404.99; Một điện thoại di động hiệu Hphone màu đen, số sim: 0366437267 và 03 chìa khóa xe mô tô.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra giải quyết vụ án, Lê Phú A khai nhận: vào ngày 15/7/2019, Lê Phú A còn vận chuyển thuê trót lọt cho Thành một xe mô tô không rõ biển số do người khác phạm tội mà có từ khu vực cầu P, thuộc tỉnh Bình Dương về huyện Đ, tỉnh Long An tiêu thụ và nhận tiền công do T trả là 500.000 đồng, số tiền này Lê Phú A tiêu xài cá nhân hết.

Quá trình điều tra xác định: xe mô tô hiệu Honda, loại Vision, màu xanh, biển số 61C1-404.99, có số khung: 331XDY398298, số máy: F33E-0478430 là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1982, hộ khẩu thường trú: khu phố 3A, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai mua vào năm 2013 để sử dụng đến ngày 22/7/2019 thì bị kẻ gian trộm cắp mất xe tại tổ 10, khu phố T, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 69/KL.ĐGTS ngày 29/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An kết luận xe mô tô hiệu Honda, loại Vision, màu xanh, biển số 61C1-404.99 có giá trị thành tiền là 14.995.000 đồng.

Ngày 30/7/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hòa đã trao trả tài sản là xe mô tô biển số 61C1-404.99, có số khung: 331XDY398298, số máy: F33E-0478430 cho chủ sở hữu hợp pháp bà Nguyễn Thị M.

Tại bản cáo trạng số 107/CT-VKSĐH ngày 03 tháng 9 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An truy tố bị cáo Lê Phú A về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên toà, Kiểm sát viên sau khi phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm xã hội của hành vi vi phạm pháp luật mà bị cáo Lê Phú A gây ra; đồng thời căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, điểm s khoản 1; Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự

năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuyên bố bị cáo Lê Phú A phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; xử phạt bị cáo Lê Phú A mức hình phạt từ sáu tháng đến chín tháng tù.

Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Về tang vật chứng:

+ Đối với xe mô tô biển số 61C1-404.99, có số khung: 331XDY398298, số máy: F33E-0478430 là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị M, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hòa đã trả lại cho bà M nên đề nghị không đề cập, xem xét.

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Hphone màu đen và sim số 0366437267 là tài sản của bị cáo Lê Phú A không liên quan đến việc phạm tội nên đề nghị hoàn trả lại cho bị cáo.

+ Đối với 03 chìa khóa xe mô tô đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Về trách nhiệm dân sự: bà Nguyễn Thị M đã nhận lại tài sản là 01 xe mô tô biển số 61C1-404.99 và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên đề nghị không xem xét. Ngoài ra trong vụ án này, bị cáo thu lợi bất chính tổng số tiền 500.000 đồng, nên đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với người đàn ông có tên T có hành vi thuê Lê Phú A vận chuyển xe mô tô biển số 61C1-404.99 từ cầu P, thuộc thành phố M, tỉnh Bình Dương về đập Thủy Lợi, thuộc ấp B, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An để tiêu thụ, do không xác định được nhân thân lai lịch người này và chỉ có lời khai duy nhất của Lê Phú A nên Cơ quan điều tra tiếp tục truy xét làm rõ xử lý sau nên đề nghị không đề cập, xem xét.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị M trình bày trong quá trình điều tra: Xe mô tô biển số 61C1-404.99, có số khung: 331XDY398298, số máy: F33E-0478430 là tài sản hợp pháp của bà, bà sử dụng xe đến ngày 22/7/2019 thì bị kẻ gian trộm cắp mất xe tại tổ 10, khu phố T, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Nay, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà tài sản bị mất trộm nên bà không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Phú A hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố, không đưa ra chứng cứ nào Mh oan chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nhưng những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Phú A trước Tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 23 tháng 7 năm 2019, biên bản về việc định giá tài sản số 69/KL.ĐGTS ngày 29/7/2019 của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với nội dung bản cáo trạng.

Thấy rằng, dù biết rõ nguồn gốc tài sản là do người khác phạm tội mà có nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo Lê Phú A đã nhận vận chuyển tài sản là 01 xe mô tô biển số 61C1-404.99, có số khung: 331XDY398298, số máy: F33E-0478430 (xe có giá trị thành tiền là 14.995.000đồng) cho một người tên T (không rõ nhân thân, lai lịch) từ khu vực từ cầu P, thuộc thành phố M, tỉnh Bình Dương về đập Thủy Lợi, thuộc ấp B, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An với tiền công là 700.000đồng. Trên đường vận chuyển đến địa phận thuộc ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An thì bị Công an huyện Đức Hòa kiểm tra bắt quả tang; khi bị bắt quả tang, bị cáo chưa thu lợi từ việc thực hiện hành vi phạm tội.

Ngoài ra, qua điều tra, bị cáo khai nhận trước đó vào ngày 15/7/2019 đã vận chuyển thuê trót lọt cho T 01 xe mô tô do người khác phạm tội mà có, nhận tiền công do Thành trả là 500.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lê Phú A phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

[3]. Hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo Lê Phú A gây ra là nguy hiểm. Bị cáo biết rõ đây là tài sản do phạm tội mà có, nhưng bị cáo vẫn nhận vận chuyển để tiêu thụ được tài sản. Hành vi này đã xâm phạm đến khách thể là trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến công tác bảo vệ pháp luật và phòng chống tội phạm của Nhà nước; là tiếp tay, thúc đẩy cho hoạt động tội phạm. Khi thực hiện hành vi, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của bị cáo là ảnh hưởng xấu đến trật tự công cộng nhưng bị cáo vẫn bất chấp thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp; do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng. Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo mới phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) nên khi áp dụng hình phạt cho bị cáo có xem xét giảm nhẹ một phần.

Xét theo lời đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Lê Phú A là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về tang vật chứng:

+ Đối với xe mô tô biển số 61C1-404.99, có số khung: 331XDY398298, số máy: F33E-0478430 là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị M, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hòa đã trả lại cho bà M nên không đề cập, xem xét là phù hợp.

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Hphone màu đen và sim số 0366437267 là tài sản của bị cáo Lê Phú A không liên quan đến việc phạm tội nên hoàn trả lại cho bị cáo là phù hợp.

+ Đối với 03 chìa khóa xe mô tô nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị M đã nhận lại tài sản là 01 xe mô tô biển số 61C1-404.99 và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên không xem xét.

Ngoài ra trong vụ án này, bị cáo thu lợi bất chính tổng số tiền 500.000 đồng từ lần vận chuyển xe cho T vào ngày 15/7/2019 nên cần buộc bị cáo nộp lại số tiền này sung Ngân sách Nhà nước.

[7]. Đối với người thanh niên có tên T có hành vi thuê bị cáo vận chuyển xe mô tô biển số 61C1-404.99, do không xác định được nhân thân lai lịch của những người này và chỉ có lời khai duy nhất của bị cáo, Cơ quan điều tra tiếp tục truy xét làm rõ xử lý sau nên không đề cập, xem xét là phù hợp.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Lê Phú A phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt bị cáo Lê Phú A 06 (sáu) tháng tù Thời gian tù tính từ ngày 23/7/2019.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Phú A 45 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03/10/2019) để đảm bảo cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Về tang vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

+ Hoàn trả lại cho bị cáo Lê Phú A 01 điện thoại di động nhãn hiệu Hphone và sim số 0366437267.

+ Tịch thu tiêu hủy 03 chìa khóa công tắc.

Tang vật trên do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 118-05/9/2019 ngày 5 tháng 9 năm 2019;

Buộc bị cáo Lê Phú A nộp lại số tiền thu lợi bất chính 500.000 đồng sung Ngân sách nhà nước.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lê Phú A nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước.

Án này là sơ thẩm, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hải An